

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

MAI LÂM SƠN

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN Ở VIỆT NAM**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

Mã số: 9 34 04 10

HÀ NỘI - 2025

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: PGS,TS. Lê Văn Chiến

Chủ tịch
Thư viện
PGS.TS Đinh Thị Nga

Phản biện 1: PGS.TS. Hoàng Xuân Bình
Trường Đại học Ngoại Thương

Phản biện 2: PGS.TS. Phạm Thị Hồng Điệp
Trường Đại học Kinh tế - ĐHQG Hà Nội

Phản biện 3: PGS.TS. Ngô Thanh Hoàng
Học viện Tài chính

**Luận án đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Vào hồi 13 giờ 00, ngày 18 tháng 11 năm 2025**

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia và
Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Về mặt lý luận, khoáng sản (KS) là một loại tài nguyên thiên nhiên không tái tạo, là một trong những nguồn lực quan trọng, không thể thiếu cho bất kỳ quá trình sản xuất nào. Khai thác khoáng sản (KTKS) là hoạt động chủ yếu trong hoạt động KS nói chung. Việt Nam là nước có tài nguyên khoáng sản (KS) tương đối phong phú với khoảng 60 loại KS khác nhau. Tuy nhiên, cho đến nay, sau hơn 13 năm thực hiện Luật Khoáng sản 2010, bên cạnh một số kết quả đạt được thì tình hình khai thác khoáng sản (KTKS) vẫn chưa thoát khỏi tình trạng thiếu bài bản, nhiều loại KS vẫn bị khai thác bừa bãi, hiệu quả thấp, đặc biệt là hiệu quả kinh tế - xã hội, làm cạn kiệt tài nguyên KS; đặc biệt là những tác động xấu đến môi trường sống và sự an toàn của dân cư khu vực khai thác. Những khối bụi, chất thải không được xử lý trong quá trình khai thác gây ảnh hưởng đến sức khỏe, thậm chí việc nổ mìn khai thác còn khiến nứt tường nhà dân hay làm tắc nghẽn các dòng chảy phục vụ cho các nương rẫy, hoa màu. Các trường hợp khai thác trái quy định khi mỏ đã hết hạn cấp phép như khai thác cát lòng sông gây nên các tình trạng sạt lở gây nguy hiểm,...

Một trong những lý do chính dẫn đến tình trạng trên là sự yếu kém trong công tác QLNN đối với hoạt động KTKS ở Việt Nam, với nhiều bất cập chưa được khắc phục. Mặc dù hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến KS và khai thác đã được ban hành, nhưng vẫn còn thiếu sự đồng bộ, tính thống nhất và tính hợp lý chưa cao. Các chính quyền, đặc biệt ở cấp địa phương, vẫn đặt nặng mục tiêu tăng trưởng GDP mà chưa quan tâm đầy đủ đến việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và đảm bảo phát triển bền vững. Việc lập quy hoạch, quyết định đầu tư hay cấp phép KTKS chưa tính toán kỹ lưỡng các chi phí và lợi ích về môi trường cũng như xã hội. Quy trình phân cấp quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động KTKS vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế và bất cập. Công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra có lúc, có nơi chưa được thực hiện chặt chẽ và kịp thời, dẫn đến không ngăn chặn và xử lý hiệu quả các vi phạm trong lĩnh vực này. Hậu quả là tài nguyên khoáng sản bị sử dụng lãng phí, lợi ích kinh tế và xã hội thu được không xứng với giá trị thực tế, ngân sách nhà nước thu về rất hạn chế, trong khi cộng đồng địa phương lại chịu nhiều thiệt hại nặng nề về môi trường và xã hội.

Điều đó, đòi hỏi phải tăng cường hơn nữa QLNN đối với hoạt động KTKS ở Việt Nam. Từ những phân tích trên đây, tác giả đã lựa chọn đề tài nghiên cứu: ***“Quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản ở Việt Nam”*** làm đề tài luận án tiến sĩ của mình.

2. Câu hỏi nghiên cứu

Thứ nhất, Thực trạng công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động

KTKS ở Việt Nam giai đoạn 2018-2023 thế nào? đã đạt được những kết quả gì và còn những hạn chế gì và nguyên nhân của những hạn chế đó là gì?

Thứ hai, Việt Nam cần thực hiện những giải pháp nào để hoàn thiện QLNN đối với hoạt động KTKS trong bối cảnh mới thời gian tới?

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

*** Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về QLNN đối với hoạt động KTKS ở Việt Nam, luận án đưa ra những quan điểm và giải pháp hoàn thiện QLNN đối với hoạt động KTKS ở Việt Nam trong thời gian tới.

*** Nhiệm vụ nghiên cứu**

Thứ nhất, Luận án làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về QLNN đối với hoạt động KTKS ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay. Theo đó, làm rõ những khác biệt trong nhận thức về khái niệm, đặc điểm, vai trò, mục tiêu, nội dung, nhân tố ảnh hưởng đến QLNN đối với hoạt động KTKS.

Thứ hai, Luận án phân tích, đánh giá thực trạng và kết quả thực hiện các chức năng QLNN đối với hoạt động KTKS ở Việt Nam, chỉ rõ những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân.

Thứ ba, Luận án đưa ra định hướng, đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN đối với hoạt động KTKS ở Việt Nam trong giai đoạn từ nay đến năm 2035.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

*** Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của Luận án là các hoạt động QLNN của cấp trung ương và cấp tỉnh đối với hoạt động KTKS ở Việt Nam.

*** Phạm vi nghiên cứu**

- *Phạm vi về không gian*: Luận án nghiên cứu về công tác QLNN đối với hoạt động KTKS trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

- *Phạm vi về thời gian*: Nghiên cứu thực trạng QLNN về hoạt động KTKS trong khoảng thời gian từ 2018-2023, một số nội dung được sử dụng dữ liệu từ năm 2011 - 2023 (sau Luật Khoáng sản 2010) để làm rõ tính hệ thống và đề xuất định hướng, giải pháp cho giai đoạn từ nay đến 2035.

- *Phạm vi về nội dung*: QLNN đối với hoạt động KTKS sẽ được tiếp cận theo khía cạnh về chức năng. Trong đó, chủ thể quản lý được giới hạn trong phạm vi Luận án là cơ quan hành pháp, thực hiện các chức năng hành chính ở cấp Trung ương (Chính phủ và cơ quan tham mưu là Bộ Nông nghiệp và Môi trường (NNMT) (thuộc chức năng của Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 1/3/2025), các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan) và cấp địa phương (UBND theo 3 phân cấp: tỉnh, huyện, xã nhưng Luận án chỉ tập trung đối với UBND cấp tỉnh). Luận án có đề cập đến vai trò của Quốc hội trong việc ban hành hiến pháp, luật, nghị quyết. Không đề cập đến các cơ quan tư pháp.

Về phạm vi nội dung nghiên cứu: QLNN đối với hoạt động KTKS ở

Việt Nam, nhưng chỉ tập trung vào QLNN đối với hoạt động khai thác, chủ yếu là hoạt động khai đào, không nghiên cứu đối với các hoạt động KTKS như: khai thác tận thu KS; khai thác dầu khí; khai thác nước thiên nhiên không phải là nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

Luận án nghiên cứu các nội dung QLNN đối với hoạt động KTKS ở Việt Nam trong mối quan hệ với tổng thể QLNN về hoạt động KS nói chung. Dưới góc độ nội dung, QLNN đối với hoạt động KTKS giới hạn trong phạm vi Luận án gồm các chức năng: (i) ban hành và tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động KTKS; (ii) xây dựng quy hoạch KTKS; (iii) tổ chức thực hiện quy hoạch, chính sách KTKS; (iv) tổ chức bộ máy QLNN đối với hoạt động KTKS và (v) thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm hoạt động KTKS.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Về phương pháp luận, các luận điểm, giả thiết và luận giải phân tích trong luận án được trình bày trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của triết học Mác - Lênin, kinh tế chính trị Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, hệ thống pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác QLNN đối với hoạt động KTKS.

5.2. Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu

5.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

*** Thu thập số liệu thứ cấp**

Dữ liệu thứ cấp được tổng hợp từ các loại tài liệu như báo cáo của Chính phủ, Bộ NNMT, Cục ĐC và KS Việt Nam (trước ngày 1/3/2025 là Cục ĐC và KS Việt Nam thuộc Bộ TNMT, được chia tách từ Cục ĐC Việt Nam và Cục Khoáng sản Việt Nam trước đó) và các cơ quan chức năng liên quan; sách báo, tạp chí, văn bản pháp luật, internet,... liên quan đến đề tài nghiên cứu đã được công bố.

*** Thu thập dữ liệu sơ cấp**

+ Chọn điểm nghiên cứu:

Nghiên cứu sinh lựa chọn điểm nghiên cứu là 5 tỉnh thành có đặc trưng về loại KS phổ biến, tính ứng dụng, giá trị sử dụng, giá trị kinh tế cao và chiếm trữ lượng thăm dò lớn về loại KS đó so với cả nước là: Tỉnh Quảng Ninh (than); tỉnh Lào Cai (Apatit); tỉnh Nghệ An (đá hoa ốp lát); tỉnh Bình Thuận (titan sa khoáng); tỉnh Đắk Nông (Bô - xít).

+ Xác định mẫu nghiên cứu:

Luận án thực hiện khảo sát các DN khai thác KS và cán bộ QLNN đối hoạt động KTKS với 2 mẫu phiếu và tổng số phiếu điều tra của 2 mẫu là Cụ thể như sau:

- Đối với doanh nghiệp khai thác khoáng sản: 97 phiếu cho 97 DN ở 5 tỉnh chọn điểm nghiên cứu

Dung lượng mẫu được xác định theo công thức lấy mẫu của Linus Yamane (1967-1986):

$$n = \frac{N}{1 + N(e)^2}$$

Trong đó: n: số lượng mẫu cần xác định

N: tổng thể mẫu

e: sai số tiêu chuẩn

Với tổng số lượng 2.890 DN đang hoạt động KTKS trên cả nước tính đến 2023 của 3.416 giấy phép khai thác (theo tổng hợp báo cáo QLNN các tỉnh năm 2023), tỷ lệ sai số 10%, tương đương $\pm 0,1$ ta có số lượng mẫu cần chọn là:

$$n = 2.890 / (1 + 2.890 * 0,01) = 97 \text{ phiếu (có tính tròn số).}$$

Tổng số 97 phiếu khảo sát 97 DN của 5 tỉnh chọn điểm nghiên cứu được phân theo số lượng khảo sát cụ thể như sau: Quảng Ninh: 22; Lào Cai: 12; Nghệ An: 41; Bình Thuận: 16; Đắk Nông: 6.

- **Đối với cán bộ quản lý ngành nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản: 47 phiếu**

+ Cục KS Việt Nam: 32 phiếu

+ Sở TNMT 5 tỉnh chọn điểm nghiên cứu: 15 phiếu

Mỗi tỉnh khảo sát 3 phiếu gồm: 1 phiếu là đại diện lãnh đạo Sở; 2 phiếu là cán bộ Phòng KS thuộc Sở.

+ **Phương pháp chọn mẫu:** Luận án sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đơn giản.

+ **Cấu trúc bảng hỏi:**

Luận án sử dụng dạng thang đo quãng Likert (05 mức độ) của Rensis Likert (1932) dùng để đo lường mức độ đồng ý của đối tượng nghiên cứu, biến thiên từ: rất không đồng ý đến rất đồng ý. Các biến quan sát trong nghiên cứu khi sử dụng thang đo này có sự lựa chọn điểm từ 1 đến 5 (1. Hoàn toàn không đồng ý; 2. Không đồng ý; 3. Trung lập; 4. Đồng ý; 5. Rất đồng ý).

* Đối với thang đo Likert 5 mức độ trong bảng khảo sát, giá trị khoảng cách được tính như sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị khoảng cách} &= (\text{Giá trị lớn nhất} - \text{Giá trị nhỏ nhất})/n \\ &= (5 - 1)/5 = 0,8 \end{aligned}$$

Khi đó, ý nghĩa các mức như sau:

- Từ 1,00 - 1,80: Rất không đồng ý
- Từ 1,81 - 2,60: Không đồng ý
- Từ 2,61 - 3,40: Không ý kiến (Trung lập)
- Từ 3,41 - 4,20: Đồng ý
- Từ 4,21 - 5,00: Rất đồng ý

5.2.2. Phương pháp tổng hợp và phân tích dữ liệu

+ Tổng hợp số liệu, thông tin đã công bố: Dựa vào các số liệu đã công bố, tổng hợp, đối chiếu để chọn ra những dữ liệu phù hợp với hướng nghiên cứu của đề tài.

+ Xử lý số liệu điều tra: Toàn bộ số liệu điều tra được xử lý và định lượng trên máy tính, sử dụng phần mềm Microsoft Excel dùng để tính toán các chỉ số bình quân các số liệu thứ cấp và giá trị trung bình của số liệu sơ cấp.

6. Đóng góp mới về khoa học của luận án

*** Đóng góp về lý luận**

Trên cơ sở lý thuyết về quản lý nói chung, Luận án xây dựng khung phân tích lý thuyết về QLNN của chính quyền cấp Trung ương và chính quyền cấp tỉnh đối với hoạt động KTKS ở Việt Nam phù hợp với kinh tế thị trường và pháp luật hiện hành ở Việt Nam. Qua đó, Luận án góp phần phát triển và khẳng định khả năng áp dụng lý luận về quản lý nhà nước vào một lĩnh vực cụ thể là khai thác khoáng sản.

*** Đóng góp về thực tiễn**

- Tập hợp có phân tích kinh nghiệm QLNN đối với hoạt động KTKS của Trung Quốc và Australia và rút ra 5 bài học cho Việt Nam.

- Luận án phân tích QLNN đối với hoạt động KTKS ở Việt Nam trong giai đoạn 2018 - 2023, rút ra các kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và chỉ ra 2 nhóm nguyên nhân của những yếu kém này trong thực hiện 5 chức năng quản lý của nhà nước: (i) ban hành và tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động KTKS; (ii) xây dựng quy hoạch KTKS; (iii) tổ chức thực hiện quy hoạch, chính sách KTKS; (iv) tổ chức bộ máy QLNN đối với hoạt động KTKS và (iv) thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm hoạt động KTKS.

- Đề xuất hệ thống 7 định hướng, 7 nhóm giải pháp tiếp tục đổi mới, hoàn thiện QLNN đối với hoạt động KTKS trong giai đoạn từ nay tới năm 2035.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục thì nội dung luận án có kết cấu gồm 4 chương.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

1.1. CÁC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN NÓI CHUNG

Hoạt động KS với các hoạt động về thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng được nhiều nghiên cứu trên thế giới cũng như ở Việt Nam đề cập với các khía cạnh khá đa dạng, phong phú, từ pháp lý đến hiệu quả kinh tế, tác động môi trường, xã hội,...

Vấn đề về quyền sở hữu tài nguyên KS ở các quốc gia được tác giả Lê Thanh Vân (2010) trong nghiên cứu “*Sở hữu tài nguyên khoáng sản và vấn đề cần hoàn thiện*” đã phân tích hai cách tiếp cận chính về quyền sở hữu tài nguyên KS trên thế giới. Còn khía cạnh kinh tế trong KTKS được nhiều tác giả đề cập như: Trần Thanh Thủy (2015); Đồng Thị Bích (2017), Ngô Kim Tú (2022) hay tác giả Vũ Thanh Hương (2020) trong nghiên cứu “*Đánh giá việc phân bổ tài nguyên khoáng sản Việt Nam theo khía cạnh kinh tế và*

chính sách” đã phân tích thực trạng phân bổ tài nguyên KS theo thời gian và theo thành phần kinh tế.

Nhiều nghiên cứu về kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả trong KTKS như tác giả Võ Ngọc Dũng (2016) với *“Nghiên cứu khả năng ứng dụng máy quét laser 3D mặt đất trong quản lý xây dựng - khai thác mỏ hầm lò”*; Nguyễn Xuân Tăng và cộng sự (2022) đã phân tích thực trạng khai thác KS nhiều năm ở các mỏ như mỏ than ở Quảng Ninh, mỏ thiếc ở Nghệ An, mỏ thiếc ở Cao Bằng,... và đề xuất giải pháp. Hay ứng dụng khoa học công nghệ trong khai thác KS cũng được Amit Kumar Mishra (2021) đề cập trong *“A Review of the Applications of AI in Mineral Processing”* đã chỉ ra những khả năng sử dụng AI để giải quyết những thách thức đang gặp phải trong KTKS. Hay vấn đề xung đột trong khai thác giữa DN với cộng đồng dân cư địa phương cũng được đề cập như Saleem H. Ali (2009) trong *“Mining, the Environment, and Indigenous Development Conflicts”* đã phân tích các xung đột phát sinh giữa các hoạt động khai thác KS và quyền lợi của cộng đồng bản địa tại các khu vực ở Nam Mỹ và Úc; Gavin Hilson (2011) thì cung cấp một góc nhìn về quản lý KTKS với quan điểm tập trung vào tác động của khai thác tài nguyên đến các cộng đồng địa phương trong nghiên cứu *“The Political Ecology of Mining: Community-based Perspectives on Resource Extraction”*.

1.2. CÁC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

1.2.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản

** Về chức năng ban hành và tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp lý về khai thác khoáng sản*

Các nghiên cứu tập trung vào vấn đề nâng cao tính pháp lý và hiệu quả của Luật Khoáng sản cũng như các quy định, chính sách liên quan, điển hình như: Tác giả Lê Ái Thụ (2013), trong nghiên cứu *“Nghiên cứu, xác lập cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ sửa đổi Luật khoáng sản”*; Tác giả Lại Hồng Thanh (2013) trong *“Báo cáo kết quả rà soát hành lang pháp lý về tính minh bạch trong hoạt động khai thác khoáng sản ở Việt Nam”*; Hay Nguyễn Cảnh Nam (2016) trong *“Những bất cập của Luật Thuế tài nguyên, các văn bản hướng dẫn đối với lĩnh vực khoáng sản và đề xuất kiến nghị sửa đổi”* đã đánh giá Luật Thuế tài nguyên dựa trên các yếu tố như tiềm năng tài nguyên KS, đặc thù của ngành khai thác, cơ cấu thuế và chính sách của Đảng và Nhà nước.

Ngoài ra, nhiều tác giả cũng đề cập đến các văn bản, chính sách điều hành hoạt động KTKS cụ thể như tác giả Lê Thị Thanh Hương (2018) trong nghiên cứu *“Pháp luật về cấp giấy phép và thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản tại Việt Nam”* hay nghiên cứu *“Global Trends and Tribulations in Mining Regulation”* của John P. Williams (2015), nghiên cứu *“Mining and Sustainable Development: Insights from International Law”* của tác giả Philippe Sands và Jacqueline Peel (2012) làm rõ, với góc nhìn sâu sắc về vai

trò của luật pháp quốc tế trong việc đảm bảo KTKS bền vững.

*** Về chức năng lập quy hoạch khai thác khoáng sản**

Khía cạnh này đã số được các nhà nghiên cứu đề cập dưới góc độ đề xuất một số mô hình quy hoạch cấp quốc gia để tối ưu hóa sử dụng tài nguyên, đề xuất các nguyên tắc xây dựng quy hoạch, khía cạnh kỹ thuật trong lập quy hoạch, một số vấn đề cần chú ý trong xây dựng quy hoạch như: sự chông chéo, tránh xung đột, khai thác tối ưu,... Một số tác giả điển hình như: Tác giả Peter G. Harris (2010) trong nghiên cứu “*Strategic Planning for Sustainable Mineral Resource Development: A Systems Thinking Approach*”; Rodrigo Martinez và Luis A. Vargas (2014) trong nghiên cứu “*Challenges and Opportunities in Strategic Mineral Resource Planning*”; Lê Văn Quang (2020) với bài viết “*Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam*”. Hay nghiên cứu “*Đánh giá tác động của quy hoạch KTKS đến môi trường ở Việt Nam*” của tác giả Phan Văn Hòa (2017),...

*** Về chức năng tổ chức thực hiện quy hoạch, chính sách hoạt động khai thác khoáng sản**

- Các nghiên cứu liên quan đến việc cấp giấy phép hoạt động khai thác khoáng sản, xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản

- Về thực hiện trách nhiệm xã hội, quản lý bảo vệ môi trường tại nơi khai thác khoáng sản

*** Về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản**

Với nội dung này, đa số các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đều thấy được vai trò quan trọng của tổ chức bộ máy QLNN đối với hoạt động KS, trong đó có hoạt động khai thác, nhất là sự phối hợp và phân cấp hoạt động trong bộ máy và năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác này. Điển hình như tác giả Đinh Doãn Cường (2021) trong nghiên cứu “*Giải pháp hoàn thiện môi trường kiểm soát tại các doanh nghiệp khai thác và chế biến than thuộc tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam*”; tác giả Nguyễn Thị Như Quỳnh (2023) cùng cộng sự nghiên cứu trong đề tài “*Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất phân công, phân cấp giữa trung ương, địa phương trong quản lý nhà nước về tài nguyên nước, tài nguyên địa chất, khoáng sản*”.

Đề cập đến đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý KTKS được rất nhiều tác giả đề cập trong các bài viết của mình, điển hình như: Tác giả Trần Quốc Hùng (2018); Lê Thị Thảo (2019),... Các tác giả đều phân tích được thực trạng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác QLNN về hoạt động KTKS ở các khía cạnh khác nhau như về công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao hiệu quả công tác này trong bối cảnh hội nhập hay tác động của các yếu tố khách quan và chủ quan,... và từ đó, các nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đội ngũ cán bộ công tác trong lĩnh vực KTKS.

*** Về chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm hoạt động khai thác khoáng sản**

Nội dung thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động KTKS cũng được một số tác giả đề cập với 2 hướng nghiên cứu cơ bản là: trên cơ sở phân tích thực trạng của công tác này, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động này hoặc nghiên cứu một số ứng dụng kỹ thuật trong công tác giám sát KTKS như tác giả Đỗ Văn Hòa (2020) trong nghiên cứu *“Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra khai thác khoáng sản”*, tác giả Oluranti Agboola và cộng sự (2021) với bài viết *“A review on the impact of mining operation: Monitoring, assessment and management”*; Phạm Quốc Bảo (2018) với nghiên cứu *“Đánh giá hiệu quả công tác kiểm tra và xử lý vi phạm trong khai thác khoáng sản ở Việt Nam”*,...

1.2.2. Các nghiên cứu về phương thức, công cụ quản lý nhà nước đối với khai thác khoáng sản

Có nhiều phương thức quản lý của nhà nước với các công cụ khác nhau để điều tiết hoạt động KTKS theo đúng Chiến lược và mục tiêu quốc gia đã được các tác giả trong và ngoài nước đề cập đến trong các nghiên cứu của mình. Mô hình quản lý Pháp lý – Kinh tế - Công nghệ kết hợp được thể hiện trong Báo cáo của World Bank (2020) – *“Integrated resource governance for sustainable development”*. Trong khi đó, Hilson (2020) lại đề xuất mô hình hợp tác công tư (PPP) như một giải pháp quản lý mới nhằm giải quyết các thách thức trong KTKS, đặc biệt là trong các quốc gia đang phát triển trong nghiên cứu *“Partnerships in mining: Enhancing public – private collaboration for sustainable resource management”*. Hay tác giả Đỗ Thị Bình (2019) tập trung vào phương thức quản lý trong bài viết *“Quản lý nhà nước theo vùng trong khai thác khoáng sản tại Việt Nam”*.

Về công cụ quản lý hoạt động KTKS của Nhà nước, các công trình đã đề cập đến các công cụ pháp lý, công cụ kinh tế, công cụ về công nghệ,... ở nhiều khía cạnh khác nhau.

1.2.3. Các nghiên cứu về nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản

Nhiều tác giả đã nhấn mạnh sự tác động của khung pháp lý, hệ thống chính sách của quốc gia trong lĩnh vực này như hệ thống văn bản pháp luật, tiêu chí đánh giá như nghiên cứu *“Xây dựng bộ tiêu chí kiểm toán để đánh giá tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động quản lý khai thác tài nguyên khoáng sản”* của tác giả Nguyễn Xuân Khải và Lê Doãn Hoài; *“Khung chính sách quản lý tài nguyên khoáng sản bền vững tại Việt Nam”* của Trần Quốc Hùng và cộng sự (2019). Xem hệ thống chính sách về KS là một nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý của Nhà nước, tác giả Arezki Rabah và Thorvaldur Gylfason (2011) nhấn mạnh đến chính sách tài khóa trong nghiên cứu *“The Resource Curse and Fiscal Policy: The Example of Norway”*; Hoàng Thị Thu Hà (2022) trong *“Chính sách thuế phí trong khai*

thác khoáng sản tại Việt Nam”. Hay nhận thức và sự tham gia quản lý của cộng đồng dân cư và yếu tố kỹ thuật cũng là những nhân tố ảnh hưởng đến QLNN đối với hoạt động KTKS, được tác giả Nguyễn Thị Lan và Lê Hoàng Anh (2020) và tác giả Glen T. Nwaila và cộng sự (2022) trong nghiên cứu *“The minerals industry in the era of digital transition: An energy-efficient and environmentally conscious approach”* đề cập.

Như vậy, vấn đề QLNN đối với hoạt động KTKS đã được các các tác giả trong và ngoài nước đề cập đến ở nhiều khía cạnh khác nhau: về vai trò, chức năng, phương thức, công cụ quản lý của nhà nước, về các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình quản lý này. Mỗi nội dung lại được các nghiên cứu đề cập, khai thác ở góc độ khác nhau, những đều hướng đến mục tiêu nâng cao hiệu quả QLNN đối với tài nguyên KS ở các quốc gia.

1.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

1.3.1. Những vấn đề đã được các nghiên cứu làm sáng tỏ

Các công trình nghiên cứu đã làm rõ được một số nội dung liên quan đến hoạt động KS nói chung từ giai đoạn thăm dò, đến khai thác, chế biến và sử dụng. Những nội dung đã được đề cập đến và phân tích như: vấn đề sở hữu KS của các quốc gia trên thế giới; bảo vệ KS chưa khai thác; sáng kiến minh bạch trong KTKS; đánh giá việc phân bổ tài nguyên KS ở Việt Nam; vấn đề xung đột cộng đồng trong quá trình KTKS; ...

Các nghiên cứu đã phân tích được thực trạng QLNN đối với hoạt động KTKS ở một số các địa phương cụ thể như Sơn La, Tuyên Quang,... chỉ ra những bất cập của Luật thuế Tài nguyên và các văn bản hướng dẫn; khó khăn thách thức trong lập quy hoạch tài nguyên KS; những tồn tại và hướng khắc phục trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát KTKS,...

Nhiều công trình đã phân tích kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới trong các hoạt động liên quan đến KTKS về định giá giá trị kinh tế tài nguyên KS, hạn chế tác động đến môi trường tại khu vực khai thác, chính sách tài chính liên quan đến khai thác, chế biến, sử dụng KS,...

Vấn đề đảm bảo môi trường trong quá trình khai thác đã được nhiều nghiên cứu đề cập, phân tích ở nhiều khía cạnh khác nhau nhưng chủ yếu là xem xét tác động của KTKS đối với tài nguyên nước, đất, và không khí, KS, từ đó đề xuất những biện pháp giảm thiểu và quản lý rủi ro.

Nghiên cứu của các tác giả cũng phân tích được một số nội dung liên quan đến QLNN về KTKS như công tác quy hoạch hay tác động của quy hoạch KTKS đến môi trường; vấn đề bổ sung và hoàn thiện pháp luật liên quan; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý hoạt động KS,...

Phân tích kinh nghiệm quốc tế (một số nước như Philippin, Nigeria, Indonexia, châu Phi,...) ở một số nội dung như: chính sách tài chính liên quan đến KTKS, định giá giá trị kinh tế trữ lượng KS, KTKS gắn với bảo vệ môi trường bền vững,... cũng được các nghiên cứu phân tích, so sánh. Từ đó,

rút ra các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Ngoài vai trò, chức năng quản lý của nhà nước đối với hoạt động KTKS thì các phương thức, công cụ quản lý hoạt động này cũng được các nghiên cứu đề cập, phân tích làm rõ với những mô hình quản lý kết hợp như Pháp lý - Kinh tế - Công nghệ hay hợp tác khu vực công - tư,...

Những nhân tố ảnh hưởng đến QLNN đối với hoạt động KTKS như hệ thống chính sách liên quan, nhận thức và sự tham gia quản lý của cộng đồng, yếu tố kỹ thuật, trình độ công nghệ, cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý,... cũng được các tác giả đề cập đến ở những khía cạnh khác nhau.

1.3.2. Khoảng trống chưa nghiên cứu

+ *Các nghiên cứu chưa đề cập một cách toàn diện các chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản ở Việt Nam*

+ *Công tác ban hành và tuyên truyền các văn bản pháp luật liên quan chưa được nghiên cứu sâu.*

+ *Chức năng lập quy hoạch khai thác khoáng sản chưa đề cập trực tiếp đến hoạt động khai thác, chỉ đề cập đến các quy hoạch hoạt động khoáng sản nói chung*

+ *Các nội dung cụ thể của quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch khai thác khoáng sản chưa được đề cập đầy đủ, cụ thể*

+ *Công tác thanh tra hoạt động khai thác khoáng sản chỉ mới đề cập ở các khía cạnh có liên quan đến nội dung khác trong các công trình nghiên cứu trước đó*

1.3.3. Những vấn đề được lựa chọn nghiên cứu trong luận án và khung phân tích

1.3.3.1. Những vấn đề được lựa chọn nghiên cứu trong luận án

Luận án tiếp cận nghiên cứu theo chức năng QLNN đối với hoạt động KTKS ở Việt Nam, gồm: (1) Chức năng ban hành, tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về KTKS; (2) Chức năng xây dựng quy hoạch KTKS; (3) Chức năng tổ chức thực hiện quy hoạch, chính sách KTKS (cấp giấy phép KTKS, tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản; quản lý việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân KTKS (xác định tiền cấp quyền KTKS, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường; quản lý về thực hiện trách nhiệm xã hội trong khai thác (ký quỹ bảo vệ môi trường, bảo vệ môi trường, hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương), (4) Chức năng tổ chức bộ máy QLNN đối với hoạt động KTKS; (5) Chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm hoạt động KTKS.

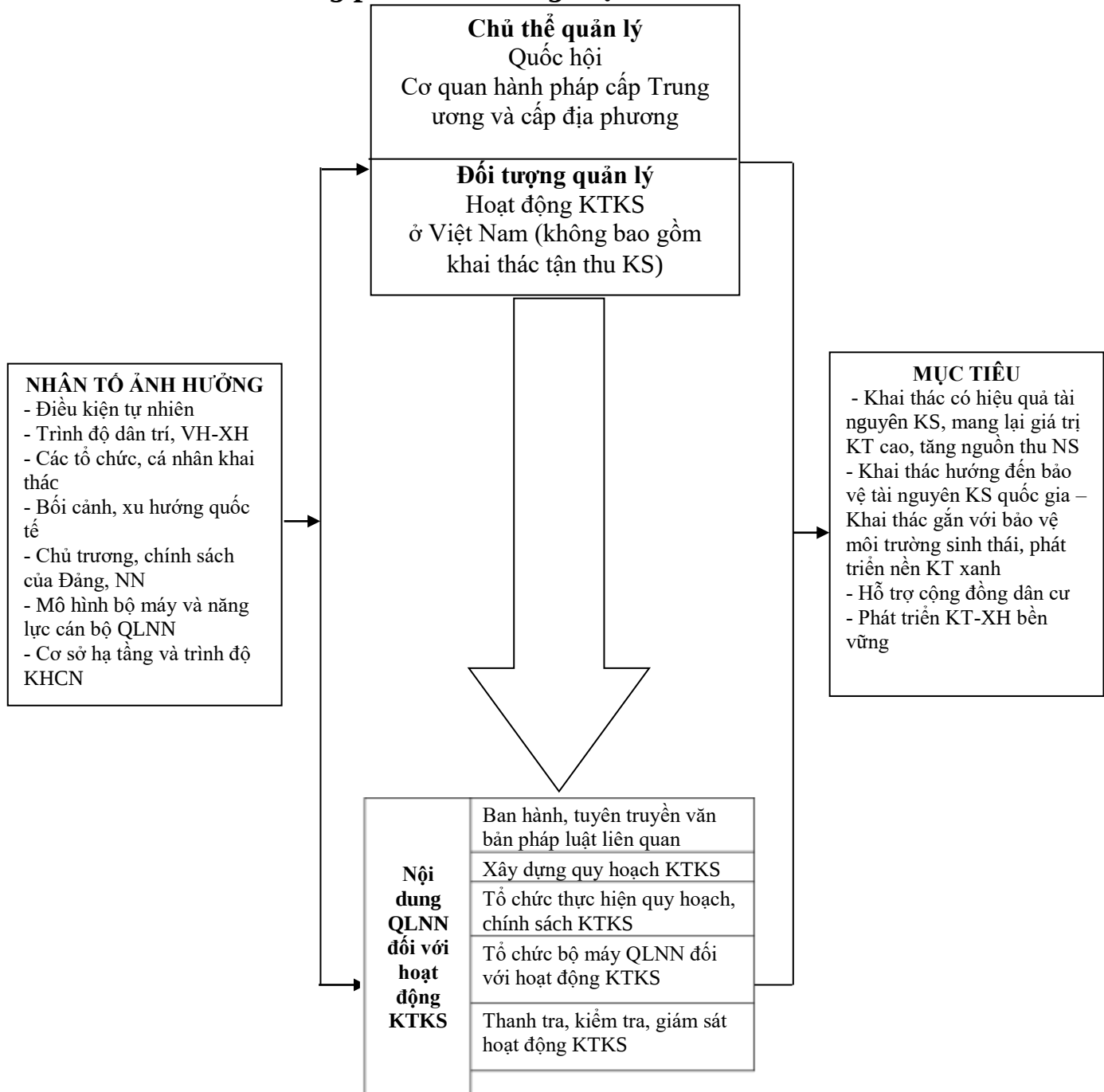
Luận án làm rõ cơ sở lý luận về QLNN đối với hoạt động KTKS trên cơ sở khung phân tích của Luận án, theo 5 chức năng QLNN như đã xác định ở trên. Làm rõ tính độc lập tương đối giữa QLNN về KTKS với QLNN về hoạt động KS nói chung (bao gồm thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng); Phân tích cụ thể các nhân tố ảnh hưởng đến công tác này.

Trên cơ sở lý luận về nội dung QLNN đối với hoạt động KTKS, Luận án phân tích một cách đầy đủ, toàn diện thực trạng QLNN đối với hoạt động KTKS ở Việt Nam theo 5 nội dung chức năng: Ban hành, tuyên truyền văn bản pháp luật liên quan, công tác xây dựng quy hoạch KTKS, tổ chức thực hiện; tổ chức bộ máy QLNN đối với hoạt động KTKS; thanh tra, kiểm tra,

giám sát. Đối với chức năng tổ chức thực hiện quy hoạch, chính sách về KTKS, luận án thông qua dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp từ điều tra, khảo sát sẽ phân tích, đánh giá đầy đủ các khía cạnh gồm: công tác cấp giấy phép KTKS, tổ chức đấu giá quyền KTKS, quản lý về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính, trách nhiệm xã hội của các tổ chức, cá nhân KTKS.

Luận án dự báo tình hình, phân tích bối cảnh hiện nay, từ đó nghiên cứu định hướng và đề xuất các giải pháp cơ bản để nâng cao hiệu quả QLNN đối với hoạt động KTKS phù hợp với điều kiện và nguồn lực của Việt Nam hiện nay.

1.3.3.2. Khung phân tích trong luận án



Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

2.1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ KHOÁNG SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

2.1.1. Khái niệm về khoáng sản và hoạt động khai thác khoáng sản

** Khoáng sản*

Khoáng sản là khoáng vật, khoáng chất tồn tại ở dạng thể rắn, thể lỏng hay thể khí, được tích tụ tự nhiên trong lòng đất hoặc trên mặt đất, là kết quả của những quá trình địa chất nhất định, được con người khai thác, chế biến nhằm phục vụ nhu cầu trong đời sống xã hội, phát triển kinh tế - xã hội quốc gia.

** Hoạt động khai thác khoáng sản*

Hoạt động KTKS là hoạt động của các tổ chức, cá nhân nhằm thu hồi KS với sự quản lý của Nhà nước, giúp chuyển hóa KS từ dạng tiềm năng trong lòng đất thành hàng hóa để đem lại lợi ích cho các tổ chức, cá nhân và góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quốc gia trong từng giai đoạn nhất định.

2.1.2. Đặc điểm, phân loại khoáng sản và vai trò của hoạt động khai thác khoáng sản

2.1.2.1. Đặc điểm, phân loại khoáng sản

2.1.2.2. Vai trò của hoạt động khai thác khoáng sản

2.2. LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

2.2.1. Khái niệm quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản

Quản lý nhà nước đối với hoạt động KTKS là tổng hợp các hoạt động của các cơ quan chính quyền cấp trung ương và địa phương, có chức năng theo phân cấp trong Luật Khoáng sản đối với tổ chức, DN, cá nhân liên quan trong hoạt động KTKS nhằm hướng dẫn hoạt động khai thác tài nguyên KS phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững.

2.2.2. Phương pháp quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản

2.2.3. Mục tiêu và tiêu chí đánh giá thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản

** Mục tiêu tổng quát*

Mục tiêu tổng quát của QLNN đối với hoạt động KTKS ở Việt Nam là hướng tới việc khai thác tài nguyên KS một cách hiệu quả, đảm bảo mang lại giá trị kinh tế cao, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và nguồn thu ngân sách quốc gia nhưng vẫn bảo vệ tài nguyên KS khỏi sự lãng phí và cạn kiệt, đồng thời thực thi nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái và sức khỏe cộng đồng nhằm hướng đến xây dựng ngành công nghiệp khai khoáng Việt Nam phát triển bền vững, hài hòa giữa lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường.

** Mục tiêu cụ thể*

+ Khai thác có hiệu quả, đem lại giá trị kinh tế cao, phát huy nguồn lực tài nguyên khoáng sản

- + Khai thác khoáng sản hướng đến bảo vệ tài nguyên khoáng sản quốc gia
- + Khai thác gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển theo xu hướng kinh tế xanh
- + Mục tiêu hỗ trợ cộng đồng và xã hội, nhất là địa phương có các mỏ khai thác khoáng sản

2.2.4. Nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản

2.2.4.1. Ban hành và tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động khai thác sản

** Về ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật*

Việc ban hành các văn bản pháp lý liên quan đến KTKS là một yếu tố quan trọng trong công tác quản lý tài nguyên quốc gia. Các quy định pháp lý này không chỉ giúp nhà nước quản lý chặt chẽ và toàn diện quá trình KTKS mà còn bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan, từ các tổ chức, DN đến cộng đồng.

** Về tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật nhà nước về khai thác khoáng sản*

Tuyên truyền và phổ biến pháp luật về KTKS là hoạt động quan trọng mà nhà nước thực hiện nhằm truyền đạt thông tin về các quy định pháp lý liên quan đến KTKS đến các tổ chức, DN, cũng như cộng đồng dân cư sống trong các khu vực có hoạt động KTKS.

2.2.4.2. Xây dựng quy hoạch khai thác khoáng sản

Quy hoạch KTKS phù hợp sẽ giúp điều phối các hoạt động khai thác, có ý nghĩa về kinh tế và tác động trực tiếp đến chính sách an ninh năng lượng, nguồn cung nguyên liệu cho các ngành công nghiệp và bảo vệ môi trường sinh thái.

Về trách nhiệm lập quy hoạch KTKS, được phân cấp cụ thể:

Bộ TNMT chịu trách nhiệm lập và thẩm định các quy hoạch KTKS cấp quốc gia, xây dựng các chính sách và quy định pháp luật liên quan.

UBND cấp tỉnh thực hiện quy hoạch KTKS tại địa phương, đảm bảo các hoạt động KTKS phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường của tỉnh.

2.2.4.3. Tổ chức thực hiện quy hoạch, chính sách về hoạt động khai thác khoáng sản

** Công tác cấp phép hoạt động khai thác khoáng sản*

Cấp phép hoạt động KTKS là quá trình mà cơ quan QLNN có thẩm quyền xét duyệt và cho phép các tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động liên quan đến khai thác tài nguyên KS.

** Công tác tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản*

Đấu giá quyền KTKS là quá trình tổ chức công khai, minh bạch để các tổ chức, cá nhân cạnh tranh về giá nhằm giành quyền khai thác các mỏ KS do nhà nước quản lý. Đây là cơ chế nhằm đảm bảo rằng các tổ chức hoặc cá nhân có tiềm lực và năng lực khai thác tốt nhất sẽ được cấp quyền khai thác với mức chi phí hợp lý, đồng thời tạo ra nguồn thu cho ngân sách nhà nước và quản lý khai thác hiệu quả hơn.

Vì quá trình đấu giá dễ gặp phải các rủi ro về gian lận, thông đồng hoặc

định giá thấp nên cơ quan quản lý cần kiểm soát chặt chẽ quy trình đấu giá. Mặt khác, cần định giá đúng giá trị của mỏ KS vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

** Công tác quản lý việc thực hiện nghĩa vụ tài chính và trách nhiệm xã hội từ hoạt động khai thác khoáng sản*

+ *Về thực hiện nghĩa vụ tài chính*

Tùy mỗi quốc gia mà các tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với hoạt động KTKS khác nhau, nhưng nhìn chung có các khoản tài chính cơ bản là:

Thuế tài nguyên; tiền cấp quyền KTKS; Phí bảo vệ môi trường trong KTKS; các khoản ký quỹ phục hồi môi trường; phí, lệ phí liên quan khác.

+ *Về trách nhiệm xã hội*

2.2.4.4. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản

Vai trò của Bộ máy QLNN đối với hoạt động KTKS là phải bảo vệ tài nguyên KS cùng với môi trường sinh thái. Bộ máy QLNN các cấp từ Trung ương đến địa phương trong hoạt động quản lý phải đảm bảo rằng hoạt động KTKS không gây ra những tác động tiêu cực đến môi trường và đời sống của người dân xung quanh khu vực khai thác,...

Cán bộ QLNN đối với hoạt động KTKS có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của ngành. Đây là đội ngũ quyết định đến hiệu lực, hiệu quả quản lý của Bộ máy QLNN đối với hoạt động KTKS của chính quyền các cấp.

2.2.4.5. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm hoạt động khai thác khoáng sản

Thanh tra, kiểm tra hoạt động KTKS là nội dung không thể thiếu của QLNN đối với hoạt động KTKS, là giai đoạn cuối cùng trong chu trình quản lý, có vai trò kiểm định, đánh giá hiệu quả của QLNN. Thanh tra, kiểm tra hoạt động KTKS giúp đảm bảo chất lượng thực hiện chuyên môn của các cơ quan khác nhau trong bộ máy QLNN đối với hoạt động này, giúp phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện và xử lý những hạn chế, vi phạm. Qua thanh tra, kiểm tra, là cơ sở để có các kiến nghị khắc phục những sơ hở, yếu kém, đề xuất những biện pháp đổi mới, sửa đổi cơ chế, chính sách nhằm quản lý hiệu quả hơn đối với hoạt động KTKS.

2.2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản

2.2.5.1. Các nhân tố khách quan

+ *Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên*

+ *Đặc điểm về trình độ dân trí, văn hóa, xã hội*

+ *Các tổ chức, cá nhân tham gia khai thác khoáng sản*

+ *Bối cảnh và xu hướng quốc tế*

2.2.5.2. Các nhân tố chủ quan

+ *Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội nói chung và lĩnh vực tài nguyên khoáng sản nói riêng*

+ *Mô hình tổ chức bộ máy và năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản*

+ *Cơ sở hạ tầng kỹ thuật và trình độ khoa học công nghệ*

2.3. KINH NGHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

2.3.1. Kinh nghiệm của một số nước

2.3.1.1. Kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản ở Trung Quốc

2.3.1.2. Kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản của Australia

2.3.2. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Thứ nhất, về chức năng ban hành và tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến QLNN đối với hoạt động KTKS.

Thứ hai, về chức năng xây dựng quy hoạch, kế hoạch KTKS

Thứ ba, về chức năng tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch KTKS.

Thứ tư, về tổ chức bộ máy QLNN đối với hoạt động KTKS

Thứ năm, về chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm các hoạt động KTKS.

Chương 3

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN Ở VIỆT NAM

3.1. KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN Ở VIỆT NAM

3.1.1. Đặc điểm nguồn tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam

3.1.2. Quá trình hình thành và phát triển ngành khoáng sản Việt Nam

3.1.2.1. Về lịch sử hình thành, phát triển

3.1.2.2. Về quá trình hoàn thiện quản lý nhà nước đối với hoạt động khai khoáng

3.1.3. Thực trạng về hoạt động khoáng sản ở Việt Nam

3.1.3.1. Công tác lập bản đồ địa chất và điều tra tiềm năng khoáng sản

3.1.3.2. Hoạt động thăm dò khoáng sản

3.1.3.3. Hoạt động khai thác khoáng sản

3.2. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CÁC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN Ở VIỆT NAM

3.2.1. Thực trạng ban hành và tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động khai thác khoáng sản

3.2.1.1. Về ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

Việc hoàn thiện hệ thống pháp lý với các văn bản quy phạm và chỉ đạo từ cấp trung ương đến địa phương đã tạo nền tảng pháp lý vững chắc để nâng cao hiệu lực và hiệu quả trong công tác QLNN đối với hoạt động KTKS.

Tuy nhiên, công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động KTKS của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương vẫn còn những điểm hạn chế, bất cập được thể hiện trong quá trình triển khai trong thực tiễn, cần có hướng giải quyết.

3.2.1.2. Về tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật nhà nước về khai thác khoáng sản

Với kết quả khảo sát nội dung này, điểm trung bình chung là 3,78, nằm

trong khoảng 3,41 - 4,2, với ý nghĩa đồng ý, chứng tỏ đánh giá của các DN về công tác ban hành và tuyên truyền văn bản pháp luật về hoạt động KTKS là tốt, Tuy nhiên, cả đánh giá của cán bộ quản lý và DN đều chưa đạt mức 4,21 - 5,00 điểm chứng tỏ còn có những hạn chế nhất định trong công tác này, đòi hỏi phải được tìm hiểu rõ và đề xuất giải pháp hoàn thiện.

3.2.2. Thực trạng xây dựng quy hoạch khai thác khoáng sản

Quy hoạch KS bao gồm quy hoạch điều tra ĐC về KS và quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng KS. Theo Luật Địa chất và Khoáng sản 2024, quy hoạch KS, trong đó có hoạt động khai thác sẽ có quy hoạch KS nhóm I, nhóm II (quy hoạch ngành quốc gia) và tích hợp KS nhóm III vào quy hoạch của tỉnh. Các loại quy hoạch đều nhằm thực hiện có hiệu quả và đúng mục tiêu Chiến lược phát triển ĐC, KS quốc gia ở từng giai đoạn. Những kết quả đạt được và hạn chế về công tác quy hoạch KTKS như phân tích ở trên cũng được thể hiện qua đánh giá của DN về việc công khai thông tin quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân nắm bắt kịp thời khá cao, tuy nhiên, tính đồng bộ trong lập quy hoạch còn nhiều bất cập với kết quả khảo sát chỉ đạt 2,93 điểm. Có đến 5 DN rất không đồng ý và 6 DN không đồng ý về tính đồng bộ của quy hoạch KS với các quy hoạch khác và chỉ có 9 doanh nghiệp cho rằng có sự đồng bộ này.

3.2.3. Thực trạng tổ chức thực hiện quy hoạch, chính sách về hoạt động khai thác khoáng sản

3.2.3.1. Công tác cấp phép hoạt động khai thác khoáng sản

** Công tác cấp phép khai thác khoáng sản của cấp Trung ương*

Bảng 3.12: Số giấy phép khai thác KS do Bộ TNMT cấp giai đoạn 2018 - 2023

	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Số GP cấp mới	24	34	32	13	28	7
Số GP gia hạn/chuyển nhượng	11	13	9	7	11	17
Tổng GP	35	47	41	20	39	24

Nguồn: Nghiên cứu sinh tự tổng hợp dựa trên các báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Cục Khoáng sản Việt Nam

** Công tác cấp phép khai thác khoáng sản của cấp địa phương*

Bảng 3.13. Số quyết định liên quan cấp phép và đóng cửa mỏ khai thác khoáng sản do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giai đoạn 2018 - 2023

	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
QĐ cấp GP (quyết định)	488	467	450	404	333	342
QĐ thu hồi/trả lại GP (quyết định)	24	26	11	27	16	13
QĐ đóng cửa mỏ (quyết định)	119	85	83	89	77	70

Nguồn: Nghiên cứu sinh tự tổng hợp dựa trên các báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Cục Khoáng sản Việt Nam

3.2.3.2. Công tác tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Tại cấp trung ương, đến ngày 31/12/2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền KTKS cho 20 khu vực, tổ chức đấu giá thành công 10 khu vực bao gồm các mỏ như quặng sắt ở Bắc Kạn, quặng apatit ở Lào Cai, và mỏ đá mỹ nghệ ở Yên Bái,... Các mức giá trúng đấu giá đã vượt giá khởi điểm, phản ánh sức cạnh tranh trong hoạt động đấu giá.

Nhằm nâng cao hiệu quả của công tác đấu giá, Bộ TNMT đã yêu cầu UBND các tỉnh tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật, giúp các DN và cá nhân liên quan nắm bắt đầy đủ các quy định. Thời gian qua, UBND các tỉnh đã xây dựng và triển khai nhiều phương án tổ chức đấu giá phù hợp. Điển hình là áp dụng hình thức bỏ phiếu trực tiếp tại các phiên đấu giá với quy trình tổ chức hợp lý. Hình thức này không chỉ giúp rút ngắn thời gian thực hiện mà còn phù hợp với năng lực tài chính của các DN và đảm bảo hiệu quả đầu tư. Những giải pháp này đã góp phần tạo sự công bằng, công khai và khuyến khích sự tham gia của nhiều DN trong lĩnh vực KTKS.

Với quy trình tuân thủ theo quy định, tính đến năm 2023, cấp địa phương trong cả nước đã phê duyệt đấu giá cho 1.310 khu vực KS, trong đó 827 khu vực đã thành công.

Dù đạt được một số kết quả, việc đấu giá quyền KTKS vẫn chưa tương xứng với tiềm năng do các quy định đấu giá còn mới, triển khai chưa đồng bộ và chưa phù hợp hoàn toàn với quy định về đất đai và tài sản đấu giá. Số lượng khu vực KS được đưa ra đấu giá mới chỉ đạt 52,23% so với kế hoạch phê duyệt.

Ngoài ra, sự phối hợp giữa các Bộ, ngành và địa phương còn chưa đồng bộ, khiến việc xử lý gặp khó khăn. Sự bất đồng trong chính sách đất đai theo Luật Đất đai cũng tạo ra bất bình đẳng giữa các dự án cấp phép trung ương và cấp tỉnh.

3.2.3.3. Công tác quản lý việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân tham gia khai thác khoáng sản

** Về phê duyệt và thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản*

Bảng 3.15: Kết quả thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản giai đoạn 2018 - 2023

		Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Số quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác (QĐ)		47	47	31	11	62	9
Tổng số tiền cấp quyền KT phê duyệt (tỷ đồng)		2.954	2.381	914,4	1.044	1.300	2.143
Tổng số tiền cấp quyền KT nộp NSNS (tỷ đồng)	Trung ương	2.023	3.138	2.849	3.117	1.633	2.922
	Địa phương	892	1.642	1.660	1.880	975	2.574

Nguồn: Nghiên cứu sinh tự tổng hợp dựa trên các báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Cục Khoáng sản Việt Nam

** Quản lý việc thực hiện nghĩa vụ tài chính khác của tổ chức, cá nhân*

Kết quả khảo sát cán bộ về thực hiện nghĩa vụ này của DN, với điểm trung bình cộng của các chỉ tiêu là 3,79 nằm trong khoảng 3,41 - 4,2 chứng tỏ các cán bộ được khảo sát đều đánh giá cao với mức ý nghĩa là đồng ý về

công tác quản lý việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với DN khai thác KS của các cơ quan chức năng liên quan, trong đó có Bộ TNMT, Cục thuế, Sở TNMT,... ở địa phương.

Tuy đạt được những kết quả nhất định và được đánh giá khá cao nhưng công tác này trên thực tế vẫn còn một số vướng mắc, hạn chế.

3.2.3.4. Công tác quản lý việc thực hiện trách nhiệm xã hội của các tổ chức, cá nhân tham gia khai thác khoáng sản

+ Trách nhiệm đối với môi trường

Ngoài những quy định trong Luật Khoáng sản, Chính phủ cũng ban hành Nghị định cụ thể để tăng cường quản lý trong công tác này. Nghị định 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về cải thiện chất lượng môi trường đã được quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 được Chính phủ ban hành nhằm sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng phải lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong KTKS. Các đối tượng phải lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trên cơ sở các văn bản quy định và hướng dẫn thực hiện của Trung ương, trong những năm qua, cơ quan chức năng của chính quyền các địa phương cũng đã tích cực yêu cầu các DN khai thác KS thực hiện ký quỹ bảo vệ môi trường theo quy định. Điều này giúp nâng cao ý thức trách nhiệm của các DN về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động khai thác.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác này vẫn còn những hạn chế nhất định. Sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong quản lý các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm với môi trường trong KTKS vẫn còn lỏng lẻo, dẫn đến vẫn còn một số đơn vị chậm trễ trong việc ký quỹ bảo vệ môi trường.

Vấn đề đảm bảo môi trường trong khai thác vẫn chưa giải quyết triệt để. Điển hình như các hoạt động khai thác cát từ lòng sông trên khắp cả nước, nhất là miền Nam.

+ Trách nhiệm đối với cộng đồng cư dân nơi có mỏ khai thác

Bảng 3.17: Kết quả hỗ trợ người dân và phúc lợi xã hội đối với địa phương có mỏ khai thác khoáng sản của các tổ chức, các nhân khai thác giai đoạn 2018 - 2023

	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Số LĐ địa phương làm việc ổn định tại mỏ (nghìn người)	127	129	136	123	121,8	128,742
Hỗ trợ cơ sở hạ tầng, phúc lợi cho địa phương (tỷ đồng)	288	122	118	164	141	120,579

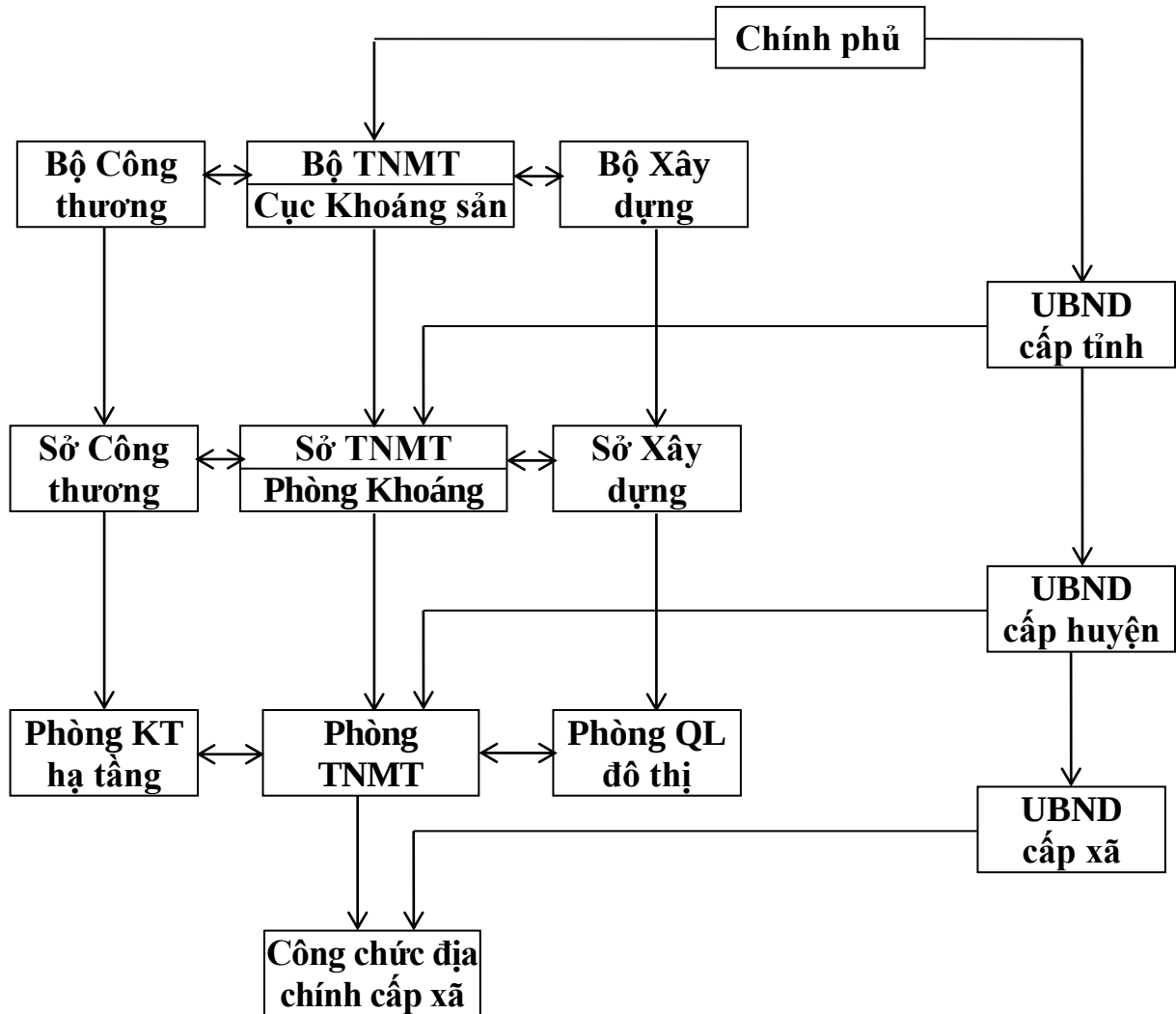
Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp từ báo cáo các năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hoạt động KTKS không chỉ góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước mà còn tạo ra nhiều cơ hội việc làm ổn định cho người dân địa phương.

3.2.4. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản

3.2.4.1. Về cơ cấu tổ chức bộ máy

Bộ máy QLNN đối với hoạt động KTKS ở Việt Nam có thể được mô hình hóa qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 3.1. Bộ máy quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản ở Việt Nam

Bảng 3.18: Đánh giá của cán bộ về Bộ máy quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản

Chỉ tiêu	Mức độ đánh giá					Điểm trung bình
	1	2	3	4	5	
Bộ máy QLNN đối với hoạt động KS được tổ chức hợp lý và phân cấp rõ ràng	0	0	14	28	5	3,81
Bộ máy quản lý hoạt động KS hoạt động có hiệu quả và có trách nhiệm	1	4	13	29	0	3,47
Chức năng, nhiệm vụ của Bộ máy QLNN đối với khai thác KS được phân cấp nhiều cho chính quyền địa phương	2	7	24	14	0	3,06

Nguồn: Kết quả khảo sát điều tra của nghiên cứu sinh

3.2.4.1. *Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản*

Ở cấp Trung ương, Cục KS Việt Nam - cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ TNMT hiện có tổng số 74 cán bộ công chức và 10 lao động hợp đồng, trong đó: Có 04 lãnh đạo Cục; Văn phòng có 04 cán bộ, 10 công chức; Phòng thẩm định hồ sơ hoạt động KS có 03 cán bộ, 09 công chức; Phòng Kiểm soát hoạt động KS có 03 cán bộ, 09 công chức; Phòng Kế hoạch - Tài chính và Kinh tế KS có 02 cán bộ, 07 công chức; Chi cục KS miền Trung (tại thành phố Đà Nẵng) có 02 cán bộ, 07 công chức; Chi cục KS miền Nam (tại Thành phố Hồ Chí Minh) có 02 cán bộ, 08 công chức.

Ở cấp tỉnh, mỗi phòng KS/phòng tài nguyên KS của Sở TNMT được bố trí khoảng từ 3 - 7 cán bộ công chức phụ trách tùy theo khối lượng công việc (do đặc thù về quy mô tài nguyên KS của mỗi địa phương) và cơ cấu của mỗi đơn vị. Đối với cấp huyện, thường có 1-2 cán bộ thuộc phòng TNMT được phân phụ trách hoạt động về tài nguyên KS hoặc kiêm nhiệm các công việc khác. Ở cấp xã có cán bộ công chức địa chính xã kiêm nhiệm phụ trách quản lý về hoạt động KS trên địa bàn (ở những khu vực có trữ lượng KS).

Kết quả khảo sát DN về bộ máy QLNN đối với hoạt động KTKS có tổng điểm trung bình chung của các tiêu chí là 3,47 nằm ở khoảng 3,41 - 4,2 với ý nghĩa là đồng ý những kết quả đạt được trong cơ cấu tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ QLNN đối với hoạt động KTKS. Đây là cơ sở, yếu tố quan trọng để nâng cao hiệu quả công tác QLNN đối với hoạt động này ở nước ra trong thời gian tới.

3.2.5. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm hoạt động khai thác khoáng sản

3.2.5.1. *Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm do Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cục Khoáng sản Việt Nam thực hiện*

Bảng 3.20. Thanh tra, kiểm tra liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2018-2023

Năm	Số cuộc thanh tra, kiểm tra
2018	24 cuộc
2019	27 cuộc
2020	22 cuộc
2021	11 cuộc
2022	16 cuộc
2023	15 cuộc

Nguồn: Tác giả tổng kê dựa trên báo cáo các năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

3.2.5.2. *Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm do các bộ ngành liên quan thực hiện*

Theo Chỉ thị 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật trong lĩnh vực này, các bộ

ngành như bộ Công an, bộ Quốc phòng, Công Thương, bộ LĐTBXH, bộ Xây dựng, bộ Tài chính, đã triển khai hàng trăm cuộc thanh tra, kiểm tra mỗi năm liên quan đến KTKS, đặc biệt là các hoạt động riêng về khai thác trái phép, và xử phạt hành chính với số tiền lên đến hàng trăm tỷ đồng, đồng thời tịch thu nhiều phương tiện và tang vật vi phạm.

3.2.5.3. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý hoạt động khai thác khoáng sản cấp địa phương

Chính quyền các địa phương áp dụng linh hoạt nhiều biện pháp khác nhau để nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát.

3.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN Ở VIỆT NAM

3.3.1. Thành tựu đạt được trong quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản ở Việt Nam

3.3.1.1. Thành tựu đạt được trong thực hiện các nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản ở Việt Nam

* Về ban hành và tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động khai thác khoáng sản

* Về xây dựng quy hoạch khai thác khoáng sản

* Về tổ chức thực hiện quy hoạch, chính sách về hoạt động khai thác khoáng sản

* Về bộ máy quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản

* Về thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm hoạt động khai thác khoáng sản

3.3.1.2. Thành tựu đạt được trong thực hiện mục tiêu quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản ở Việt Nam

Thứ nhất, KTKS đã đạt được những hiệu quả nhất định, góp phần phát huy nguồn lực tài nguyên quốc gia với đóng góp giá trị kinh tế cao vào ngân sách nhà nước

Thứ hai, quá trình tổ chức thực hiện KTKS đa số đều theo định hướng bảo vệ tài nguyên KS quốc gia

Thứ ba, Vấn đề bảo vệ môi trường được quan tâm và trở thành điều kiện quan trọng trong cấp phép KTKS

Thứ tư, hoạt động KTKS có hướng đến hỗ trợ cộng đồng khu vực có mỏ khai thác

3.3.2. Hạn chế của quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản ở Việt Nam

3.3.2.1. Hạn chế trong thực hiện các nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản

* Về ban hành và tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động khai thác khoáng sản

* Về xây dựng quy hoạch khai thác khoáng sản

* Về tổ chức thực hiện quy hoạch, chính sách về hoạt động khai thác khoáng sản

* Về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản

** Về thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm hoạt động khai thác khoáng sản*

3.3.2.2. Một số mục tiêu về quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản ở Việt Nam thực hiện chưa tốt

Thứ nhất, Mức độ khai thác một số loại KS vẫn chưa đạt được kết quả cao so với trữ lượng thăm dò

Thứ hai, Tình trạng khai thác trái phép, gây thất thoát tài nguyên và ô nhiễm môi trường vẫn còn tồn tại

Thứ ba, Một số doanh nghiệp vẫn sử dụng công nghệ khai thác lạc hậu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường

Thứ tư, Vẫn còn tồn tại tình trạng bức xúc của người dân với DN nơi có mỏ khai thác

3.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

3.3.3.1. Nguyên nhân khách quan

Ngành KTKS có tính chất, đặc điểm rất phức tạp, yêu cầu kiến thức chuyên môn và kỹ thuật cao. Việt Nam có nhiều loại KS với phân bố rộng khắp, điều kiện ĐC lại khác biệt, nên việc quản lý, kiểm soát gặp nhiều khó khăn.

Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị quản lý hoạt động KTKS còn hạn chế.

Sự biến động giá cả trên thị trường cũng chính là nguyên nhân khách quan dẫn đến những hạn chế trong công tác QLNN đối với hoạt động KTKS.

Những hạn chế trong công tác QLNN đối với hoạt động KS trong thời gian gần đây còn do sự tác động của nền kinh tế toàn cầu.

Khai thác KS thu hút nhiều DN và người dân tham gia, nhưng do nhận thức và năng lực hạn chế, nhiều hoạt động khai thác nhỏ lẻ, tự phát, không hợp pháp diễn ra, làm cho công tác quản lý trở nên phức tạp hơn.

3.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Hệ thống pháp luật về hoạt động KS, trong đó có hoạt động khai thác vẫn chưa đồng bộ. Quy định pháp luật về khai thác KS còn nhiều bất cập, thiếu tính cụ thể và các chế tài xử phạt nghiêm khắc, làm giảm hiệu quả quản lý và giám sát. Hệ thống quản lý còn có sự chồng chéo. Thiếu đồng bộ trong quy hoạch KS.

Hiện nay, việc bảo vệ tài nguyên KS chưa khai thác và ngăn chặn khai thác trái phép chủ yếu dựa vào biện pháp hành chính, không phù hợp với thực trạng quản lý và không giải quyết triệt để được vấn đề tái diễn khai thác trái phép. Quá trình QLNN đối với hoạt động KTKS còn thiếu cơ chế hỗ trợ cho DN về vốn và công nghệ.

Lực lượng thanh tra chuyên ngành KS còn thiếu và yếu về chuyên môn, nghiệp vụ, dẫn đến công tác kiểm tra giám sát KTKS chưa thường xuyên.

Bộ máy với chức năng QLNN về KS bị chồng chéo, nhiều Bộ cùng tham gia nhưng chưa có sự phân công rõ ràng, dẫn đến quá trình cấp phép phức tạp và kéo dài.

Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý KS tại các tỉnh, thành còn mỏng,

hầu hết là kiêm nhiệm, thiếu chuyên môn ĐC - mỏ, dẫn đến hiệu quả quản lý chưa cao và tạo ra nhiều bất cập.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN Ở VIỆT NAM

4.1. BỐI CẢNH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

4.1.1. Bối cảnh trong nước, quốc tế về cơ hội, thách thức đối với hoạt động khai thác khoáng sản

4.1.1.1. Bối cảnh quốc tế

4.1.1.2. Bối cảnh trong nước

4.1.2. Phương hướng hoàn thiện quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản

4.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN Ở VIỆT NAM

4.2.1. Tiếp tục hoàn thiện về chính sách, pháp luật liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản; tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hoạt động khai thác khoáng sản

4.2.2. Hoàn thiện công tác xây dựng quy hoạch khai thác khoáng sản theo nguyên tắc đảm bảo tính khả thi, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và gắn với bảo vệ môi trường

4.2.3. Nâng cao hiệu quả công tác cấp phép và đấu giá quyền khai thác khoáng sản từ cấp Trung ương đến địa phương

4.2.4. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về tài chính trong hoạt động khai thác khoáng sản; tăng cường quản lý việc thực hiện nghĩa vụ tài chính liên quan đến khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân

4.2.5. Tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; hỗ trợ cộng đồng dân cư khu vực khai thác của các tổ chức, cá nhân khai thác, hướng đến xây dựng nền kinh tế xanh, bền vững

4.2.6. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và kịp thời xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản

4.2.7. Kiện toàn và nâng cao hiệu lực của bộ máy quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ phụ trách ngành.

4.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

KẾT LUẬN

Quản lý nhà nước đối với hoạt động KTKS ở Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận trong thực hiện các chức năng quản lý: ban hành và tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật; lập quy hoạch khai thác, khoanh định các khu vực cấm hoặc tạm thời cấm khai thác; tổ chức thực hiện quy hoạch, triển khai chính sách; thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm hoạt động khai thác; tổ chức bộ máy QLNN. Việc quản lý tài nguyên KS đã được thực hiện có hiệu quả, đảm bảo sử dụng tiết kiệm và hiệu quả; đầu tư công nghệ khai thác, chế biến đạt trình độ tiên tiến của khu vực châu Á và thế giới; xây dựng ngành công nghiệp khai khoáng tiên tiến, hiện đại gắn liền với bảo vệ môi trường, áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, thích ứng biến đổi khí hậu và hướng đến mục tiêu trung hòa carbon; đồng thời chấm dứt các cơ sở khai thác, chế biến lạc hậu, manh mún, có hiệu quả kinh tế thấp và gây ô nhiễm môi trường.

Tuy nhiên, còn nhiều khó khăn, bất cập trong công tác QLNN đối với hoạt động KTKS ở Việt Nam hiện nay như hệ thống pháp luật vẫn còn “khoảng trống” cần bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện; quy hoạch KTKS còn chồng chéo, tiến độ còn chậm; những hạn chế trong cấp phép khai thác, tính tiền cấp quyền; khó khăn trong công tác thanh tra, kiểm tra; về chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý,... điều đó, đòi hỏi trong thời gian tới, để hoàn thiện công tác QLNN đối với hoạt động KTKS ở Việt Nam đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ 7 giải pháp sau: (1) Tiếp tục hoàn thiện về chính sách, pháp luật liên quan đến hoạt động KTKS. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hoạt động KTKS; (2) Hoàn thiện công tác xây dựng quy hoạch KTKS theo nguyên tắc đảm bảo tính khả thi, phù hợp với quy hoạch phát triển KT- XH và gắn với bảo vệ môi trường; (3) Nâng cao hiệu quả công tác cấp phép và đấu giá quyền KTKS từ cấp Trung ương đến địa phương; (4) Hoàn thiện cơ chế, chính sách về tài chính trong hoạt động KTKS. Tăng cường quản lý việc thực hiện nghĩa vụ tài chính liên quan đến KTKS của các tổ chức, cá nhân; (5) Tăng cường QLNN về bảo vệ môi trường trong KTKS; hỗ trợ cộng đồng dân cư khu vực khai thác của các tổ chức, cá nhân khai thác, hướng đến xây dựng nền kinh tế xanh, bền vững; (6) Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và kịp thời xử lý vi phạm trong hoạt động KTKS; (7) Kiện toàn và nâng cao hiệu lực của bộ máy QLNN đối với hoạt động KTKS; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ phụ trách ngành.

Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp phù hợp để hoàn thiện công tác QLNN đối với hoạt động KTKS ở Việt Nam sẽ tạo điều kiện để nước ta khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên quý giá, đáp ứng nhu cầu về nguyên liệu liên quan đến KS, tăng thu ngân sách nhà nước, góp phần phát triển KT - XH quốc gia nhưng vẫn đảm bảo môi trường, phát triển bền vững trong bối cảnh nền chuyển đổi nền kinh tế xanh toàn cầu.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Mai Lâm Sơn (2024), “Hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản ở Việt Nam quản lý theo phân cấp và những kết quả đạt được”, tại trang <https://kinhte.vadubao.vn/hoat-dong-tham-do-khai-thac-khoang-san-o-viet-nam-quan-ly-theo-phan-cap-va-nhung-ket-qua-dat-duoc-30381.html>
2. Mai Lâm Sơn (2024), “Thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hoạt động khai thác khoáng sản ở Việt Nam hiện nay”, tại trang https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/10/31/thuc-trang-cong-tac-thanh-tra-kiem-tra-va-xu-ly-vi-pham-hoat-dong-khai-thac-khoang-san-o-viet-nam-hien-nay/?zarsrc=30&utm_source=zalo&utm_medium=zalo&utm_campaign
3. Mai Lâm Sơn (2024), “Quản lý hoạt động khai thác khoáng sản của một số quốc gia và kinh nghiệm đối với Việt Nam”, tại trang <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/12/03/quan-ly-hoat-dong-khai-thac-khoang-san-cua-mot-so-quoc-gia-va-kinh-nghiem-doi-voi-viet-nam/>